

Bản án số: 19/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 19-4-2018
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Luận**

2. Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/3/2018 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX-ST ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1988; HKTT và nơi cư trú: Thôn TH, xã TT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1986; HKTT và nơi cư trú: Thôn TH, xã TT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 13/12/2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 tháng. Đến tháng 02/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, cãi vã nhau, anh H và bố mẹ anh H đã đuổi chị M đi, chị M đã phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó lại quay về nhà chồng để ở. Đến tháng 2/2016 chị M về mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 21/7/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị M. Sau khi ly hôn chị M đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị M đang làm công nhân tại Công ty Ngọc Sơn. Lương hàng tháng gần 5.000.000đồng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 13/12/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tháng 2/2013 chị M đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay anh H đã nhiều lần tạo điều kiện cho chị M về nhà nhưng chị M đã 4 lần bỏ đi, lần cuối cùng chị M bỏ đi vào tháng 8/2016. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Giữa anh H và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 21/7/2013. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn anh H xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh H làm thợ xây, công thợ mỗi ngày là 180.000đồng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, 227, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Cho chị M được ly hôn anh H. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr cho chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tài sản, công sức, công nợ: chị M, anh H không đề nghị xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Hiện anh Nguyễn Văn H đang cư trú tại thôn TH, xã TT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 13/12/2011 là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian thì chị M và anh H phát sinh mâu thuẫn, chị M và anh H đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H, anh H cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa chị M và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M với anh H là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 21/7/2013. Cháu Tr đang ở với chị M. Cả chị M và anh H đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị M đang làm công nhân, có thu nhập ổn định hàng tháng, cháu Tr còn nhỏ mới được 5 tuổi, cháu Tr hiện đang ở ổn định với chị M. Do đó, trên nguyên tắc bảo vệ phụ nữ và trẻ em, thấy cần thiết giao cho chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Huyền Tr kể từ tháng 4/2018 đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị M** được ly hôn anh **Nguyễn Văn H**.

2. Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 21/7/2013.

Chị Nguyễn Thị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 21/7/2013 kể từ tháng 4/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003256 ngày 06/3/2018.

Chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện (02 bản);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*
- *Chi cục THA dân sự Chương Mỹ*

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý